

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP Cơ khí Điện lực về việc chốt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán để tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2022;

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC (PEC)**
- Địa chỉ: 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội
- Điện thoại: (84)(24)38271498

Trân trọng thông báo tới cổ đông thông tin về tổ chức ĐHCĐ thường niên 2022 như sau:

- 1. Thời gian:** 1/2 ngày - Bắt đầu từ 08 giờ 15 phút ngày 30/6/2022 (Thứ năm)
- 2. Địa điểm:** Hội trường tầng 4 Nhà điều hành Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực - số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.
- 3. Nội dung thông qua tại ĐHCĐ:**
 - 3.1 Thông qua các báo cáo thường niên:** Báo cáo kết quả SXKD năm 2021 và Phương án SXKD năm 2022; Báo cáo tài chính năm 2021 (đã được kiểm toán); Báo cáo của HĐQT đánh giá tình hình hoạt động năm 2021 và nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021.
 - 3.2 Thông qua các nội dung do HĐQT trình ĐHCĐ:** Chi trả cổ tức năm 2021; Thủ lao của HĐQT, BKS năm 2022; Giao cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.
- 4. Thời gian đăng ký tham dự ĐHCĐ:** Cổ đông đăng ký tham dự ĐHCĐ theo mẫu (Phụ lục 01) và gửi về Công ty trước 17 giờ 00' ngày 29/6/2022 theo địa chỉ: Công ty CP Cơ khí Điện lực, số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội;
- 5. Thành phần tham dự:** Các cổ đông của Công ty. Trường hợp cổ đông không có điều kiện tham dự có thể cử người khác đại diện tham dự ĐHCĐ thông qua việc ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu Phụ lục 02 đính kèm).

Ghi chú: Tài liệu ĐHCĐ thường niên 2022 được đăng tải trên website: www.pecvn.vn tại thư mục: Thông tin cổ đông/Tài liệu ĐHCĐ thường niên 2022.

Trân trọng thông báo.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Các cơ quan hữu quan;
- Công bố thông tin;
- Lưu VT.



BÁO CÁO
Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021
và Phương án Kinh doanh 2022

PHẦN 1. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. Thuận lợi và khó khăn

1. Thuận lợi:

- Ngành nghề truyền thống của Công ty là chế tạo cột thép mạ kẽm, chế tạo kết cấu thép thủy công và mạ kẽm nhúng nóng dịch vụ cho các đơn vị khách hàng. Sản phẩm của Công ty có chất lượng và uy tín nhiều khách hàng tin tưởng khi đặt hàng.
- Công ty có uy tín cũng như nhiều kinh nghiệm trong chế tạo kết cấu thép thủy công, Đặc biệt là các công trình thủy điện, tạo được uy tín với khách hàng trong việc chế tạo cửa van phẳng, cửa van cung, cửa van sửa chữa. Năm 2021 đang hoàn thiện các kết cấu thép thủy điện công trình Thủy điện Sông Lô 8B, chế tạo cửa van cho công trình Thủy lợi Nà Sản qua đó là bước đệm cho Công ty ký các hợp đồng Thủy lợi sau này.

2. Khó khăn:

- Dịch Covid -19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng trực tiếp đến việc làm và thu nhập của người lao động. Công ty phải tạm ngừng sản xuất kinh doanh trong các tháng đầu năm 2021
- Khó khăn về tài chính dẫn đến vật tư phục vụ sản xuất không có hoặc mua nhiều lần mới đủ cho một hợp đồng dẫn đến lạm công sản xuất cũng như khó khăn bố trí lao động.
- Nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty rất hạn hẹp, nguồn vốn sản xuất phụ thuộc vào nguồn thu của khách hàng. Một số lò mạ kẽm nhúng nóng của các công ty khác mới mở dẫn đến Công ty thiếu hụt nguồn hàng mạ, thiếu người làm tại Xí nghiệp Kết cấu thép Mạ .

II. Kết quả thực hiện



Trong năm 2021, thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo thực hiện và đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

STT	Nội dung chỉ tiêu, sản phẩm	ĐVT	Giá trị (triệu đồng)
1	Tổng doanh thu bán hàng	Triệu đồng	27.320
2	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	24.738
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	- 246,850
4	Thu nhập bình quân của 1 người lao động/tháng	Triệu đồng	06

1. Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021.

Công ty đã thực hiện giá trị tổng doanh thu đạt 32,9% so với kế hoạch đề ra. Các nguyên nhân kết quả SXKD đạt hiệu quả thấp:

Ảnh hưởng của dịch bệnh Covit 19, do Chủ trương của nhà nước yêu cầu Công ty phải tạm dừng sản xuất trong các tháng đầu năm.

Năm 2021 việc cung cấp cột thép không đảm bảo kế hoạch, do ảnh hưởng của dịch bệnh các gói thầu về cột điện bị tạm dừng như dự án ĐZ 220kV Bờ Y và Đắc Oóc, ĐZ 220kV. Công ty trúng thầu 1.100 tấn Gói thầu số 9: "Xây lắp trạm biến áp và đường dây đầu nối (bao gồm cung cấp cột thép) thuộc Công trình Trạm biến áp 220kV Yên Thủy. Tuy nhiên do biến động về giá thép quá lớn nên Chủ đầu tư không có chi phí bù giá nên hợp đồng bị hủy bỏ.

Mạ kẽm nóng bị thiếu việc do thiếu nguồn tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh, mặt khác do khó khăn chung vì dịch bệnh nên khách đưa hàng đến mạ dịch vụ cũng giảm nhiều.

Công tác Cơ khí thủy công: Công ty tập trung sản xuất hoàn thành việc giao hàng cho Thủy điện Sông Lô 8B, Thủy lợi Nà Sản nhưng do cung cấp vật tư chưa đồng bộ và còn chậm nguyên nhân do tài chính gặp nhiều khó khăn, dẫn đến vật tư cung cấp cho sản xuất chưa đồng bộ.

2. Các công tác khác

Công tác tổ chức: Trong rất nhiều năm Công ty không tuyển được lao động do không có chính sách thu hút người lao động, bên cạnh đó do thiếu việc làm dẫn đến lao động xin nghỉ việc.

Công tác tài chính: Công tác thu hồi công nợ gặp nhiều khó khăn. Cụ thể nhiều công trình chưa thể quyết toán hoặc quyết toán rồi mà chủ đầu tư chưa thanh toán. Bộ phận kế toán thay đổi nhân sự liên tục, thiếu người nhập số liệu, làm báo cáo dẫn đến việc đối chiếu và xác nhận công nợ gặp nhiều khó khăn.

PHẦN 2. PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021. MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

Tổng doanh thu 13.500 triệu đồng.

STT	Tên sản phẩm	ĐVT	Đơn giá (Tr. đồng)	Năm 2022	
				Khối lượng	Thành tiền (Triệu đồng)
1	Cột thép, xà thép mạ kẽm	Tấn	32.000	100	3.200
2	Mạ kẽm dịch vụ	Tấn	7.300	1.000	7.300
3	Kinh doanh vật tư, thiết bị, thuê kho bãi				3.000

2. Các giải pháp thực hiện

2.1. Công tác thị trường, tìm kiếm việc làm

Trong năm 2022, Công ty phấn đấu thực hiện hoàn thành quyết toán công trình thủy điện Sông Lô 8B, công trình thủy lợi Nà Sản...

Triển khai chế tạo và cung cấp cột thép mạ kẽm cho các công trình từ 110Kv trở xuống cho khách hàng truyền thống như Công ty TNHH Hòa Hiệp, Công ty Duyên Hà...

Tăng cường tìm kiếm việc làm về chế tạo cột thép, mạ kẽm nhưng nóng.

2.2. Công tác Tài chính

Chú trọng tập trung thu hồi công nợ mà khách hàng nợ lâu năm. Thu hồi vốn các công trình đã quyết toán như Sông lô 4, Sông lô 8A, Nậm cùn, thủy lợi Bắc Bên Tre... phục vụ sản xuất kinh doanh.

Hoàn thiện kịp thời thủ tục hồ sơ pháp lý, hồ sơ chế tạo, thanh toán đối với các hạng mục công trình đang dở dang phục vụ thanh toán theo tiến độ của công trình.

Thanh toán lương kịp thời cho người lao động, đáp ứng vật tư chính, phụ phục vụ sản xuất, thanh toán các khoản phải trả trong từng giai đoạn, đáp ứng kịp thời nguồn tài chính phục vụ sản xuất.

2.3. Công tác Vật tư

Lập kế hoạch mua sắm vật tư trong nước hoặc nhập khẩu để bảo đảm kịp thời cho sản xuất. Không để tình trạng công nhân chờ việc do thiếu vật tư.

Giảm thời gian tồn trữ, tránh tình trạng vật tư mua về không đảm bảo chất lượng gây khó khăn trong sản xuất.

Tính toán vật tư mua vào, giảm tỷ lệ hao hụt.

2.4. Công tác tổ chức

Năm 2022 Công ty do dịch COVID 19 đã ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động SXKD của Công ty dẫn đến thiếu việc làm và người lao động phải nghỉ chờ việc.

Cơ cấu lại nhân sự tại Công ty, chuyển Đốc công thành Tổ trưởng để trực tiếp tham ra sản xuất.

2.5. Công tác mua sắm, sửa chữa máy móc thiết bị

Nghiên cứu, đầu tư thêm 01 Xe nâng để phục vụ sản xuất kinh doanh.

Tăng cường công tác kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị theo kế hoạch năm đã được phê duyệt.

Giảm thời gian sửa chữa, đảm bảo sản xuất có hiệu quả.

Thanh lý một số máy và thiết bị lạc hậu trước đây lâu ngày không dùng đến.

2.6. Các công tác khác

Kiện toàn, nâng cao năng lực quản lý, năng lực lãnh đạo. Điều hành cho cán bộ quản lý trong toàn Công ty.

Duy trì tốt mối quan hệ với các khách hàng truyền thống để bảo đảm việc làm cho người lao động

Liên doanh, liên kết với các đơn vị cùng ngành để tăng cường công tác đấu thầu, tham gia các gói thầu cung cấp cột thép mạ kẽm, kết cấu thép thủy công, các công trình xây lắp điện, công trình công nghiệp.

Giao kế hoạch, giám sát, kiểm tra việc thực hiện đánh giá, tìm nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

Tăng cường quan hệ với các tổ chức tín dụng huy động nguồn vốn phục vụ sản xuất.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, Phương án sản xuất kinh doanh năm 2022 và các giải pháp thực hiện của Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực trình đại hội cổ đông thường niên năm 2022. Rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của toàn thể cổ đông có mặt dự đại hội, nhằm góp phần thực hiện phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả và đạt được các chỉ tiêu đề ra.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ 2022;
- Cổ đông PEC;
- Công bố thông tin;
- Lưu: VT.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Cáp Đức Vượng

BÁO CÁO

Về đánh giá tình hình hoạt động năm 2021 và nhiệm vụ 2022
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2021 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới có nhiều khó khăn, dịch bệnh covid 19 diễn biến phức tạp. Các doanh nghiệp ngừng hoạt động. Lạm phát toàn cầu tăng cao. Ở trong nước, nền kinh tế nước ta cũng diễn biến phức tạp, giá cả tăng cao đặc biệt là sắt thép, xăng dầu tăng đột biến dẫn đến các công trình đầu tư xây dựng của ngành điện và các ngành công nghiệp khác phải tạm dừng, ảnh hưởng tới mục tiêu phát triển của đất nước;

Công tác sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do giá Thép, Kẽm và Xăng dầu biến động tăng cao; thiếu vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; tình trạng thiếu hụt lực lượng lao động trực tiếp sản xuất tiếp tục diễn ra, Công ty thiếu việc làm, phải tạm dừng sản xuất; Các yếu tố trên đã ảnh hưởng đến doanh thu và hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty.

Trước những khó khăn, thách thức đó, Hội đồng quản trị đã đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể để tập trung chỉ đạo, điều hành bộ máy quản lý của Công ty thực hiện các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 đã thông qua

Thay mặt Hội đồng quản trị, Tôi xin báo cáo kết quả hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị năm 2021 và chương trình hành động năm 2022 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị:

1.1. Hội đồng quản trị đã phân công các thành viên tổ chức triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 như sau:

- Ông Lê Minh Hải - Chủ tịch HĐQT: Phụ trách công tác chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển SXKD; công tác đầu tư phát triển; công tác tổ chức của Công ty;

- Ông Nguyễn Đức Bách - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc: Phụ trách công tác kinh doanh, đối ngoại của Công ty; Điều hành hoạt động SXKD của Công ty (Chấm dứt Hợp đồng lao động tại Công ty từ ngày 14/04/2021).



- Ông **Cáp Đức Vượng** - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc: Phụ trách công tác sản xuất kinh doanh; Điều hành hoạt động SXKD của Công ty từ ngày 01/05/2021;

- Ông **Lê Đăng Thuận** - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc: Phụ trách công tác kỹ thuật của Công ty và điều hành sản xuất tại Xí nghiệp Kết cấu thép Mạ (Chấp dứt Hợp đồng lao động để nghỉ chế độ từ ngày 01/05/2021);

- Ông **Lê Nam Hưng** - Thành viên HĐQT: Giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc đơn vị thành viên.

1.2. Hội đồng quản trị thực hiện việc giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Tổng giám đốc phù hợp với phạm vi quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật;

1.3. Hội đồng quản trị đã phê duyệt lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

1.4. Về công tác tổ chức và nhân sự chủ chốt của Công ty:

- Ngày 28/04/2021 Hội đồng quản trị Bổ nhiệm thành viên HĐQT và Ban hành Quyết định giao nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách đối với ông Cáp Đức Vượng.

2. Các cuộc họp và quyết định của Hội đồng quản trị:

Kể từ sau Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp lấy ý kiến biểu quyết các thành viên Hội đồng quản trị, qua đó đã ban hành các nghị quyết và quyết định liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ngày 28/04/2021 Hội đồng quản trị họp và thực hiện các nội dung sau:

+ HĐQT ra nghị quyết số 15/NQ-PEC ngày 28/04/2021 về việc Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Đức Bách, Ông Lê Đăng Thuận và Ông Nguyễn Doãn Bình;

+ HĐQT ra Quyết định số 16/QĐ-PEC ngày 28/04/2021 về việc Bổ nhiệm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 đối với ông Cáp Đức Vượng;

+ HĐQT ra Quyết định số 17/QĐ-PEC ngày 28/04/2021 về việc Giao nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách đối với ông Cáp Đức Vượng.

- Ngày 26/06/2021 Hội đồng quản trị họp và phân công nhiệm vụ đối với 03 thành viên HĐQT: ông Lê Minh Hải, ông Cáp Đức Vượng và ông Lê Nam Hưng.

- Ngày 31/12/2021 Hội đồng quản trị họp đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT; Đánh giá kết quả SXKD năm 2021 và định hướng phương án SXKD năm 2022 của Công ty.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị:

Do hoạt động SXKD không hiệu quả và Công ty dự kiến là không chi thù lao năm 2021 của HĐQT và Ban Kiểm soát.

4. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý:

4.1. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu đạt: 27.320 triệu đồng, đạt 32,9 % so với kế hoạch;
- Lợi nhuận trước thuế: - 246 triệu đồng;
- Thu nhập bình quân của người lao động: 6,0 triệu đồng/người/tháng;
- Dự kiến trả cổ tức năm 2021 là: 0%.

Một số nguyên nhân làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh (SXKD):

+ Do ảnh hưởng của dịch Covid 19 xảy ra đã ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh; Công ty thiếu việc làm và người lao động phải nghỉ chờ việc

+ Đầu tư tài chính vào các Công ty không hiệu quả.

+ Trong năm sản lượng hàng mạ kẽm dịch vụ không đạt chỉ tiêu kế hoạch, lượng hàng mạ không đáp ứng đủ công suất của dây chuyền, phải ngừng hoạt động lò mạ ngang.

+ Đối với các sản phẩm KCT Thủy điện Công ty chế tạo xong và đã giao hàng nhưng Chủ đầu tư thanh toán bị chậm, trong đó lãi xuất ngân hàng hàng tháng Công ty vẫn phải trả đã ảnh hưởng rất lớn tới hiệu quả SXKD.

4.2. Về công tác tài chính:

Trong năm 2021 nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào nguồn tiền thu của khách hàng và nguồn tiền cho thuê nhà xưởng. Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chức năng trong Công ty đã đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ các công trình đã hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư, kịp thời hoàn thiện hồ sơ thanh toán các hợp đồng để đảm bảo nguồn tài chính phục vụ hoạt động SXKD, trả nợ Ngân hàng, nợ Bảo hiểm xã hội, nợ thuế và thanh toán tiền lương cho người lao động.

4.3. Về công tác đầu tư:

a) Công tác đầu tư xây dựng: Trong năm Công ty không triển khai dự án đầu tư xây dựng nào, chỉ thực hiện công tác sửa chữa mái nhà xưởng.

b) Góp vốn vào doanh nghiệp khác:

- Phần vốn góp của PEC tại Công ty cổ phần Cơ khí và Xây dựng nguồn điện (PPEC) là 7.200 triệu đồng tương ứng 36% vốn Điều lệ

- Phần vốn góp của PEC tại Công ty cổ phần Thương mại và Xây lắp điện lực (PECA) là 1.250 triệu đồng tương ứng 14 % vốn Điều lệ

- Phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH chế tạo thiết bị điện và thương mại Việt Nhật là 30.899,52 triệu đồng tương ứng 36% vốn Điều lệ

4.4. Một số vấn đề khác:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 đã thông qua việc trả cổ tức năm 2021 là 0%.

- Ngoài ra, Công ty đã xây dựng và triển khai thực hiện tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão và công tác an ninh trên địa bàn huyện Gia Lâm.

II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022

A. NHIỆM VỤ: Hội đồng quản trị đề xuất trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội và chỉ đạo thực hiện các nội dung nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu đạt: 13.500 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 3% tổng doanh thu;
- Thu nhập bình quân của người lao động: 7,5 triệu đồng/tháng.
- Dự kiến trả cổ tức: 0%.

2. Công tác tài chính:

- Cân đối nguồn tài chính, tập trung thu hồi công nợ đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách với nhà nước, các khoản thuế và BHXH, BHYT cho người lao động;
- Thanh toán kịp thời tiền lương cho người lao động.

3. Công tác sửa chữa, mua sắm máy móc thiết bị:

- Sửa chữa nhà xưởng và các công trình hạ tầng trong khuôn viên Công ty để cho thuê nhằm thu hồi nguồn tiền phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Dự kiến mua 01 xe nâng để phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Thanh lý một số máy và thiết bị lạc hậu trước đây lâu ngày không dùng đến.

4. Thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Dự kiến năm 2022, Công ty dự kiến chi trả mức thù lao thành viên Hội đồng quản trị là 02 triệu đồng/người/tháng và thành viên Ban kiểm soát là 01 triệu đồng/người/tháng.
- Cuối năm căn cứ vào kết quả đạt được các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh các thành viên HĐQT và BKS sẽ được nhận thù lao theo tỷ lệ phù hợp.

5. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022:

Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán có đủ năng lực, kinh nghiệm và được Bộ Tài chính chấp thuận được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

6. Một số vấn đề khác:

- Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện tổ chức sắp xếp gọn nhẹ các phòng, xí nghiệp; bố trí cán bộ phù hợp và xem xét phần vốn góp tại các công ty khác nhằm nâng cao hiệu quả SXKD.
- Hội đồng quản trị duy trì tổ chức các phiên họp thường kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tổ chức các cuộc họp bất thường để kịp thời xử lý các công việc phát sinh.

B. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Căn cứ vào nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua, Hội đồng quản trị sẽ phân công trách nhiệm cho từng thành viên trong Hội đồng quản trị. Theo đó, các thành viên có trách nhiệm triển khai công việc và giám sát kết quả thực hiện thông qua Ban Tổng giám đốc và trong từng thời điểm cụ thể phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty ;
- 2, Tổ chức lại các phòng và xí nghiệp; sắp xếp cán bộ phù hợp với năng lực và trình độ của cán bộ - nhân viên nhằm tăng cường tính hiệu quả trong sản xuất kinh doanh;
3. Đẩy mạnh công tác thanh quyết toán các công trình nhằm thu nguồn tiền phục vụ cho sản xuất kinh doanh và giảm nợ vay ngân hàng.
4. Ban Tổng Giám đốc cùng bộ máy điều hành cần có những biện pháp tích cực tìm kiếm việc làm cho người lao động; tận dụng những năng lực hiện có của Công ty, tổ chức sản xuất, thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí, giảm sút tiêu hao nhiên liệu..., bảo đảm tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả; chăm lo sức khỏe, vật chất và tinh thần cho người lao động.

III. NHỮNG VẤN ĐỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRÌNH ĐẠI HỘI

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022:

- Tổng doanh thu đạt: 13.500 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 2% tổng doanh thu
- Thu nhập bình quân của người lao động: 7,5 triệu đồng/tháng
- Dự kiến trả cổ tức: 0%.

2. Mức chi trả thù lao năm 2021: Thành viên HĐQT là 02 triệu đồng/người/tháng và thành viên Ban kiểm soát là 01 triệu đồng/ người/ tháng.

3. Giao cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022;

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo của Hội đồng quản trị về đánh giá tình hình hoạt động năm 2021, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2022 và những vấn đề trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2022. Rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của các cổ đông có mặt dự đại hội, nhằm góp phần thực hiện phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả và đạt được các chỉ tiêu đề ra.

Kính chúc Quý vị Cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ 2022;
- Cổ đông PEC;
- Công bố thông tin;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Minh Hải

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Điều lệ Công ty CP Cơ khí Điện lực;
- Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm soát Công ty, Ban Kiểm soát Công ty CP Cơ khí Điện lực thực hiện đánh giá kết quả hoạt động điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã thông qua.

A. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT

I. Công tác tổ chức bộ máy, cơ cấu cổ đông trong năm 2021:

1. Đăng ký kinh doanh:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp: 0101643744, đăng ký lần đầu ngày 30/03/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12/02/2019 (Vốn điều lệ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 31.154.090.000 đồng).

2. Nhân sự HĐQT, Ban TGD, BKS:

⇓ HĐQT gồm 03 người:

- + Ông Lê Minh Hải - Chủ tịch HĐQT;
- + Ông Cáp Đức Vượng - Thành viên HĐQT;
- + Ông Lê Nam Hưng - Thành viên HĐQT;

⇓ Ban TGD gồm 02 người:

- + Ông Cáp Đức Vượng - P. Tổng Giám Đốc Phụ trách;
- + Ông Nguyễn Anh Minh - P. Tổng Giám Đốc;

⇓ Ban kiểm soát gồm 03 người:

- + Ông Hoàng Sơn Thọ - Trưởng Ban
- + Bà Phan Thị Thu Hằng - Thành Viên
- + Bà Lê Thị Ngọc Thương - Thành viên

Các phòng, ban, xí nghiệp trực thuộc công ty: Tại thời điểm kiểm soát, Công ty có 01 phòng, 01 xí nghiệp như sau:

- 01 phòng: Phòng Tổng hợp;
- 01 xí nghiệp: Xí nghiệp Kết cấu thép Mạ.

3. Tổng số lao động của PEC tại ngày 31/12/2021 là: 13 người.

4. Cơ cấu vốn điều lệ và cổ đông lớn

4.1. Vốn điều lệ:

Ngày 15/06/2021 - ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán trước khi tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là: **31.154.090.000 đồng**.

4.2. Cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Danh sách chốt ngày 17/6/2020	
		Số CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Lê Minh Hải	1.130.780	36,3%
2	Lê Nam Hưng	773.351	24,8%
3	Nguyễn Tiến Đạt	356.832	11,5%
3	Nguyễn Xuân Quang	186.934	06,0%

5. Công ty liên kết

a. Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện

Địa chỉ trụ sở chính: Đường TS 10, KCN Tiên Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh

Vốn góp: 7.200.000.000 đồng (Bảy tỷ hai trăm triệu đồng)

Tỷ lệ vốn góp so với vốn điều lệ: 36%

b. Công ty CP Thương mại và Xây lắp Điện lực

Địa chỉ trụ sở chính: số 150 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

Vốn góp: 1.250.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng)

Tỷ lệ vốn góp so với vốn điều lệ: 14%

c. Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật

Địa chỉ trụ sở chính: Cụm CN xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, Hải Dương

Vốn góp: 30.899.520.000 (Ba mươi tỷ, tám trăm chín mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi đồng)

Tỷ lệ góp so với vốn điều lệ: 36%.

II. Hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị công ty

1. Đánh giá tình hình triển khai một số công việc mà ĐHCĐTN 2021 đã giao cho HĐQT tại Nghị Quyết ĐHCĐ thường niên năm 2021

1.1. Chỉ tiêu doanh thu

STT	Nội dung chỉ tiêu, sản phẩm	ĐVT	Giá trị (triệu đồng)
1	Tổng doanh thu bán hàng	Triệu đồng	27.320
2	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	24.738
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	- 246,850
4	Thu nhập bình quân của 1 người lao động/tháng	Triệu đồng	06

Chỉ tiêu thu nhập bình quân của người lao động

Thu nhập bình quân của người lao động đạt 6,0 triệu đồng /tháng.

1.2. Trả cổ tức

- Dự kiến trả cổ tức năm 2021 là 0%.

1.3. Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát

Do hoạt động SXKD không hiệu quả và Công ty dự kiến là không chi thù lao năm 2021 của HĐQT và Ban Kiểm soát.

Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

HĐQT đã Phê duyệt việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021, theo đó, lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo TC năm 2021 là: Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

1.4. Cơ cấu lại tài sản, bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD

- Trong năm 2021 nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty rất hạn hẹp, phụ thuộc vào nguồn tiền thu của khách hàng và nguồn tiền cho thuê nhà xưởng. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chức năng trong Công ty đã đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ các công trình đã hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư, hoàn thiện hồ sơ thanh toán các hợp đồng để đảm bảo nguồn tài chính phục vụ hoạt động SXKD và thanh toán các khoản tiền lương cho người lao động.

2. Đánh giá việc triển khai thực hiện các nội dung công việc theo biên bản cuộc họp và nghị quyết của HĐQT trong năm

Kể từ sau ĐHCĐ thường niên năm 2021 đến nay, HĐQT Công ty đã tổ chức 03 phiên họp và qua đó đã ban hành 06 nghị quyết và quyết định, cụ thể:

- 05 Nghị quyết và Quyết định về bổ nhiệm, miễn nhiệm, giao nhiệm vụ, cử người đại diện liên quan đến cán bộ quản lý của Công ty và các đơn vị thành viên.

- 01 Nghị quyết và Quyết định liên quan đến quản lý nội bộ và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và đơn vị thành viên.

Các nghị quyết và quyết định của HĐQT đều tuân thủ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

III. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

1. Tình hình SXKD năm 2021:

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021:

BẢNG 1 - TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch
1	Tổng tài sản tại 31/12	207.748	247.592	(39.844)
2	Nợ phải trả 31/12	149.308	188.906	(39.598)
3	Vốn chủ sở hữu tại 31/12	58.439	58.686	(247)
4	Vốn điều lệ tại 31/12	31.154	31.154	-
5	Tổng doanh thu	27.320	114.450	(87.130)
6	Lỗ trước thuế	(247)	(5.996)	5.749

▪ Nhận xét, đánh giá:

- Tổng tài sản tại 31/12/2021 giảm 39.844 triệu đồng so với 31/12/2020.
- Tổng nợ phải trả tại 31/12/2021 giảm 39.598 triệu đồng so với 31/12/2020.
- Tổng vốn chủ sở hữu tại 31/12/2021 giảm 247 triệu đồng so với 31/12/2020.

- Tỷ lệ Nợ/VCSH đã giảm từ 3,22 lần tại 31/12/2020 về 2,55 lần tại 31/12/2021, tỷ lệ này giảm do trong năm 2021 Công ty đã giảm đáng kể các khoản phải trả người bán ngắn hạn và dài hạn, số tiền 24.160 triệu đồng, tương đương 34.18% so với năm 2020.

1.2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính quan trọng

BẢNG 2 - CHỈ TIÊU THANH TOÁN

Tên chỉ tiêu	Công thức tính	Số liệu báo cáo tài chính	
		31/12/2021	31/12/2020
Chỉ số thanh toán ngắn hạn	<u>TS ngắn hạn</u>	1,235	1,212
	Nợ ngắn hạn		
Chỉ số thanh toán nhanh	<u>TS ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	0,649	0,686
	Nợ ngắn hạn		

❖ Nhận xét, đánh giá:

a. Chỉ số thanh toán ngắn hạn:

- Giá trị của chỉ số thanh toán ngắn hạn theo Báo cáo TC tại 31/12/2020 đạt 1,212 > 1 và tăng nhẹ trong năm, tại 31/12/2021 chỉ số trên đạt 1,235 là mức đảm bảo yêu cầu.

b. Chỉ số thanh toán nhanh:

Chỉ số khả năng thanh toán nhanh theo số liệu báo cáo tài chính tại 31/12/2020: 0,686 và 31/12/2021: 0,649. Như vậy, chỉ số thanh toán nhanh theo chiều hướng giảm.

Khi phân tích các yếu tố của hai chỉ tiêu này có một điểm cần lưu ý như sau:

BẢNG 3 - BẢNG SỐ LIỆU CHI TIẾT

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên chỉ tiêu	Số dư tại 31/12/202 1	Số dư tại 31/12/202 0	Chênh lệch	Độ biến thiên (%)
I	Tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản	89.849	118.936	(29,087)	-24,46%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	802	195	607	311,28%
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	88.742	115.810	(27,068)	-23,37%
2.1	Phải thu ngắn hạn KH	62.812	90.915	(28,103)	-30,91%
2.2	Trả trước cho người bán	27.718	25.930	1,788	6,90%
2.3	Các khoản phải thu khác	2.181	2.133	48	2,25%
2.4	Dự phòng phải thu khó đòi	(3.969)	(3.168)	(801)	25,28%
3	Tài sản ngắn hạn khác	305	931	(626)	100,00%
4	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	2.000	(2,000)	100,00%
II	Hàng tồn kho	81.063	90.998	(9,935)	-10,92%
1	Nguyên liệu, vật liệu	20.302	19.577	725	3,70%
2	Công cụ, dụng cụ	2.788	2.788	-	0,00%
3	Sản phẩm dở dang	37.435	37.435	-	0,00%
4	Thành phẩm	20.153	30.813	(10,660)	-34,60%
5	Hàng hóa	385	385		
	Tài sản ngắn hạn	170,912	209.934	(39.022)	-18.59%

Theo bảng số liệu trên ta thấy:

Hàng tồn kho và nợ phải thu khách hàng của Công ty chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, theo số liệu của Báo cáo tài chính tại 31/12/2021 là: 84,18%.

Nguyên nhân là do:

- Các công trình đang thực hiện dở dang hoặc các công trình đã hoàn thành nhưng chưa hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, quyết toán để xuất hóa đơn như: Thủy lợi Nà Sản, Sông Lô 8B...

- Nợ phải thu các công trình thủy công, thủy lợi là rất lớn, trong đó có các khoản công nợ tồn tại từ lâu. Một số khoản nợ phải thu có số dư lớn tại 31/12/2021 như sau: Công ty TNHH MTV Kim Chất Sơn La (21,5 tỷ đồng), Công ty cổ phần cơ khí và xây dựng Nguồn điện (11,5 tỷ đồng), Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng điện Long Hội (3,7 tỷ đồng), Công ty cơ khí Việt Á (2.2 tỷ đồng)...

1.3. Phân tích một số chỉ tiêu của Kết quả hoạt động năm 2021

BẢNG 4 - PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU QUAN TRỌNG TRONG KẾT QUẢ SXKD 2021

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Tăng giảm (%)
Doanh thu thuần BH, CC DV	27.320	114.550	-76,15%
Giá vốn hàng bán	24.738	105.692	-76,59%
Doanh thu tài chính	2	196	-98,98%
Chi phí tài chính	2.927	8.091	-63,82%
Chi phí bán hàng	0	124	100,00%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.675	6.727	-45,37%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động SX, KD	-247	-5.988	-95,88%
Chỉ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động SX, KD <u>Doanh thu bán hàng và cung cấp DV</u>	(0,0090)	(0,0523)	

Đánh giá mối liên hệ giữa các yếu tố chi phí với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số liệu báo cáo hợp nhất (so sánh số liệu của năm 2021 với năm 2020):

• **Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

- Doanh thu (DT) thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 giảm 76,15%.

• **Giá vốn hàng bán:**

- Giá vốn hàng bán của năm 2021 giảm 76,59% trong khi DT giảm 76,15%.

• **Chi phí tài chính:**

- Chi phí tài chính của năm 2021 giảm 63,82% trong khi DT giảm 76,15%. Chi phí tài chính năm 2021 giảm mạnh so với năm 2020 do năm 2021 công ty không trích

lập thêm các khoản dự phòng tổn thất đầu tư và giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính .

- **Chi phí bán hàng:**

- Chi phí bán hàng của năm 2021 giảm 100% trong khi DT giảm 76,15%

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2021 giảm 45,37% trong khi DT giảm 76,15%.

- **Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Số lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên 100 đồng doanh thu của năm 2021 là (0,90) đồng, trong khi đó số liệu năm 2020 là 5,23 đồng.

B. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TỒN TẠI VÀ KIẾN NGHỊ

I. Về công tác điều hành và quản lý tại Công ty

Công ty là đơn vị thực hiện sản xuất các sản phẩm kết cấu thép mạ kẽm, thủy công với sản lượng lớn, các sản phẩm của mỗi công trình khác nhau có đặc thù khác nhau. Tuy nhiên, khi triển khai từ lúc ký kết hợp đồng đến khi triển khai sản xuất, trong công tác điều hành chưa bám vào dự toán công trình dẫn đến việc kiểm soát các chi phí từng công đoạn, hạng mục còn chưa được chặt chẽ dẫn đến công tác quản trị chi phí gặp nhiều khó khăn.

Kiến nghị:

Ban Tổng Giám đốc cần yêu cầu các bộ phận chức năng liên quan đưa ra dự toán các hợp đồng theo từng hạng mục, công đoạn để theo dõi, quản lý các khoản chi phí: chi phí vật tư, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung, chi phí lãi vay ngân hàng... theo dự toán hợp đồng nhằm quản lý chặt chi phí và kịp thời điều chỉnh các yếu tố chi phí khi có thay đổi, biến động so với dự toán khi thực hiện hợp đồng...

II. Về tình hình theo dõi công nợ phải thu

Các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty tại 31/12/2021 là 88,7 tỷ đồng giảm 27 tỷ tương đương 23,37% so với 31/12/2020, trong đó nợ xấu khó thu hồi là 6.5 tỷ;

Tình hình thu hồi nợ phải thu của Công ty trong năm 2021 đã có khả quan tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều khoản đã quá hạn, ngoài ra trong báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 Kiểm toán độc lập đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với một số các khoản công nợ phải thu không nhận được xác nhận từ đối tác, cụ thể:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Khoản phải thu không nhận được xác nhận	Số dư tại 31/12/2021	Tỷ lệ (%)
Các khoản Nợ phải thu	40,05	93,02	43,06%
Phải thu ngắn hạn khách hàng	29,7	62,81	47,28%
Trả trước cho người bán ngắn hạn	7,86	27,72	28,36%
Phải thu dài hạn khách hàng	2,49	2,49	100,00%

Kiến nghị:

Tỷ lệ các khoản phải thu không nhận được sự xác nhận từ phía Đối tác chiếm 43,06% tổng số dư phải thu tại 31/12/2021 làm gia tăng nguy cơ Công ty không thể

thực hiện quyền đòi nợ đúng hạn. Việc duy trì tỷ lệ số dư các khoản phải thu ở mức cao thể hiện việc Công ty đang bị chiếm dụng vốn và Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cần thiết phải có biện pháp tăng cường quản lý nợ phải thu, thu hồi nợ kịp thời, tái đầu tư vào các hoạt động sinh lời khác. Ngoài ra, các khoản phải thu quá hạn tồn đọng cũng ảnh hưởng đáng kể tới chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi và gia tăng nguy cơ mất vốn của Công ty.

III. Về tình hình đầu tư tại Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật (VJPS)

Công tác đầu tư tại VJPS vẫn chưa đem lại hiệu quả, vì vậy Hội đồng quản trị cần tiến hành xem xét tình hình đầu tư góp vốn tại VJPS, để đưa ra các quyết định, nghị quyết về chủ trương nhằm đảm bảo được quyền và lợi ích của PEC tại VJPS.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ TN 2020
- HĐQT Công ty:
- Ban TGD Công ty:
- Lưu BKS.





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7 – 42
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>7 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2021</i>	<i>14 – 41</i>
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>42</i>

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực được thành lập theo quyết định số 111/2004/QĐ-BCN ngày 13/10/2004 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc chuyển nhà máy cơ khí Yên Viên thuộc Công ty sản xuất Thiết bị Điện thành Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0101643744 ngày 30 tháng 03 năm 2005 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 11 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập, bổ sung ngành nghề kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 0101643744 được phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12 tháng 02 năm 2019 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 11: 31.154.090.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 8171498
Email : ckdl@vnn.vn
Mã số thuế : 0101643744

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 42).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch	
Ông Lê Nam Hưng	Ủy viên	Bổ nhiệm từ ngày 20 tháng 06 năm 2021
Ông Cáp Đức Vượng	Ủy viên	Bổ nhiệm từ ngày 20 tháng 06 năm 2021
Ông Lê Đăng Thuận	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 20 tháng 06 năm 2021
Ông Nguyễn Đức Bách	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 20 tháng 06 năm 2021
Ông Nguyễn Doãn Bình	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 20 tháng 06 năm 2021
Bà Phạm Thu Hằng	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 20 tháng 06 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hoàng Sơn Thọ	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Thương	Thành viên
Bà Phan Thị Thu Hằng	Thành viên

Ban Tổng Giám Đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Đức Bách	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 04 năm 2021
Ông Lê Đăng Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 05 năm 2021
Ông Cáp Đức Vượng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách	Bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 05 năm 2021
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công bố trách nhiệm của Ban lãnh đạo đối với Báo cáo tài chính

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban lãnh đạo cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT - BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2022

Thay mặt Ban lãnh đạo

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị



Lê Minh Hải

Số : 0902.02/2022/BCTC - NVT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ Báo cáo tài chính năm 2021Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực, được lập ngày 26 tháng 04 năm 2022 từ trang 07 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản nợ phải thu, phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm: phải thu ngắn hạn khách hàng 29,7 tỷ; trả trước cho người bán ngắn hạn 7,86 tỷ; phải thu dài hạn khách hàng 2,49 tỷ; phải trả người bán ngắn hạn 34,56 tỷ; người mua trả tiền trước ngắn hạn 6,3 tỷ; phải trả người bán dài hạn 7,6 tỷ; người mua trả tiền trước dài hạn 2,20 tỷ; vay và nợ thuê tài chính dài hạn 1,06 tỷ. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được xác nhận nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính của Công ty năm 2021.

Tại thời điểm 31/12/2021, chúng tôi chưa được cung cấp Báo cáo tài chính đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Chế tạo thiết bị điện và Thương mại Việt Nhật. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, Chúng tôi không thể đánh giá được tính đúng đắn về giá trị khoản dự phòng tổn thất các khoản đầu tư (nếu có), cũng như sự ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.5 về việc Công ty bị Cục Thuế Thành phố Hà Nội thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo quyết định số 55880/QLN ngày 23/6/2020 do nợ tiền thuế và chậm nộp tiền thuế. Vấn đề trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về hoạt động liên tục của công ty, tuy nhiên Báo cáo tài chính năm 2021 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề này không ảnh hưởng đến Ý kiến kiểm toán ngoại trừ về Báo cáo tài chính của Chúng tôi đã nêu trên đây.

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh

GCNDKHNKT số: 1690-2018-124-1

Phạm Văn Tuấn

GCNDKHNKT số: 4497-2018-124-1

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		170.911.437.063	209.933.751.989
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	801.673.103	194.707.075
1. Tiền	111		801.673.103	194.707.075
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.999.652.055
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	1.999.652.055
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88.741.423.917	115.810.158.336
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	62.811.623.781	90.915.381.488
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	27.718.398.515	25.929.556.408
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.180.580.204	2.133.579.582
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.969.178.583)	(3.168.359.142)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		81.063.237.495	90.997.806.458
1. Hàng tồn kho	141	V.6	81.063.237.495	90.997.806.458
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		305.102.548	931.428.065
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		303.484.544	929.810.061
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.618.004	1.618.004
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.836.099.121	37.658.661.284
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.606.324.850	2.606.324.850
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	2.492.235.050	2.492.235.050
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	114.089.800	114.089.800
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.657.654.347	3.467.407.419
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	929.021.014	1.442.436.943
<i>Nguyên giá</i>	222		32.987.456.767	35.085.877.062
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(32.058.435.753)	(33.643.440.119)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	1.728.633.333	2.024.970.476
<i>Nguyên giá</i>	225		2.074.360.000	2.074.360.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(345.726.667)	(49.389.524)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		225.742.000	225.742.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(225.742.000)	(225.742.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	31.567.009.697	31.567.009.697
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		38.099.520.000	38.099.520.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.250.000.000	1.250.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.782.510.303)	(7.782.510.303)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.110.227	17.919.318
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.110.227	17.919.318
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		207.747.536.184	247.592.413.273

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		149.308.125.922	188.906.152.364
I. Nợ ngắn hạn	310		138.425.226.833	173.255.124.320
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10a	38.901.263.539	58.900.558.675
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11a	6.313.272.697	14.522.420.762
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	5.958.790.364	8.789.990.498
4. Phải trả người lao động	314		-	1.517.569.734
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	4.919.110.412	3.127.305.929
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	2.089.687.941	4.227.061.308
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	77.028.322.429	78.955.437.963
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.214.779.451	3.214.779.451
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10.882.899.089	15.651.028.044
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.10b	7.623.440.739	11.783.090.758
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.11b	2.201.686.000	2.201.686.000
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	1.057.772.350	1.666.251.286
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		58.439.410.262	58.686.260.909
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	58.439.410.262	58.686.260.909
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.154.090.000	31.154.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.154.090.000	31.154.090.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.036.263.497	8.036.263.497
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.976.229.844	17.976.229.844
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.272.826.921	1.519.677.568
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		1.519.677.568	7.515.191.128
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(246.850.647)	(5.995.513.560)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		207.747.536.184	247.592.413.273

Lập, ngày 26 tháng 4 năm 2022

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị



Vũ Thị Lê Hoa

Vũ Thị Lê Hoa

Lê Minh Hải

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	27.320.200.207	114.450.097.724
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		27.320.200.207	114.450.097.724
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	24.738.030.449	105.692.252.693
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.582.169.758	8.757.845.031
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.969.641	196.357.964
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.927.201.822	8.091.421.640
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.927.201.822	7.599.133.285
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	-	123.964.372
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.674.585.690	6.726.841.079
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.017.648.113)	(5.988.024.096)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.812.750.019	322.028.409
12. Chi phí khác	32	VI.8	41.952.553	329.517.873
13. Lợi nhuận khác	40		3.770.797.466	(7.489.464)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(246.850.647)	(5.995.513.560)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(246.850.647)	(5.995.513.560)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(79)	(1.924)

Lập, ngày 26 tháng 4 năm 2022

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị



Vũ Thị Lê Hoa

Vũ Thị Lê Hoa

Lê Minh Hải

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(246.850.647)	(5.995.513.560)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		809.753.072	506.041.140
- Các khoản dự phòng	03		800.819.441	2.534.134.528
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(154.969.641)	(405.448.873)
- Chi phí lãi vay	06		2.927.201.822	7.599.133.285
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.135.954.047	4.238.346.520
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		26.894.240.495	(33.940.926.858)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.934.568.963	33.078.697.639
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(38.869.536.455)	15.916.428.185
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		12.809.091	(2.500.942)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.135.397.339)	(4.655.150.234)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(310.582.011)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		972.638.802	14.324.312.299
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(573.540.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		168.300.000	230.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.999.652.055	1.000.347.945
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.969.641	196.357.964
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.169.921.696	853.165.909

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		28.649.000.000	75.097.254.353
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(30.833.181.314)	(90.223.583.503)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(351.413.156)	(50.706.578)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(2.535.594.470)</i>	<i>(15.177.035.728)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		606.966.028	442.480
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	194.707.075	194.264.595
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	801.673.103	194.707.075

Người lập biểu



Vũ Thị Lê Hoa

Phụ trách kế toán



Vũ Thị Lê Hoa

Lập, ngày 26 tháng 4 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị



Lê Minh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Sản xuất, mua bán các cấu kiện thép, sắt thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình, cột điện bằng thép mạ kẽm có cấp điện áp đến 500KV, kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn của các nhà máy thủy điện và nhiệt điện) và kim loại màu;
 - Sản xuất thiết bị phân phối điện (phụ kiện đường dây và trạm cao, trung hạ thế);
 - Xây dựng công trình công nghiệp;
 - Xuất nhập khẩu những mặt hàng mà Công ty kinh doanh;
 - Sửa chữa thiết bị, xây lắp các công trình nhà máy nhiệt điện, thủy điện;
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC năm 2021 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2020.

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các Công ty liên doanh liên kết:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKL</i>
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực	Số 150 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	Xây lắp, lắp đặt và hoàn thiện công trình	14%	14%
Công ty TNHH chế tạo thiết bị điện và thương mại Việt Nhật	Xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giàng, Tỉnh Hải Dương	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	36%	36%
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện	Đường TS10, Khu công nghiệp Tiên Sơn, Xã Nội Duê, Huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sửa chữa máy móc, thiết bị, sản xuất các thiết bị đóng mở cửa bằng điện, sạc acquy, chuông điện, còi báo động, dây cáp kim loại cơ bản	36%	36%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính công ty có 12 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 83 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường; chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

i. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán phải đánh giá lại tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ:

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản tiền gửi bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi;

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn).

ii. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- + Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- + Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 49
Máy móc và thiết bị	03 – 09
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Doanh nghiệp bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Doanh nghiệp sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty/Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	27.245.300	22.019.500
Tiền gửi ngân hàng	774.427.803	172.687.575
Cộng	801.673.103	194.707.075

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	1.999.652.055	1.999.652.055
Cộng	-	-	1.999.652.055	1.999.652.055

b) Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	38.099.520.000	(7.634.908.937)	30.464.611.063	38.099.520.000	(7.634.908.937)	30.464.611.063
Công ty TNHH Chế tạo Thiết bị điện và Thương mại Việt Nhật (2)	30.899.520.000	(434.908.937)	30.464.611.063	30.899.520.000	(434.908.937)	30.464.611.063
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện (3)	7.200.000.000	(7.200.000.000)	-	7.200.000.000	(7.200.000.000)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.250.000.000	(147.601.366)	1.102.398.634	1.250.000.000	(147.601.366)	1.102.398.634
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực (1)	1.250.000.000	(147.601.366)	1.102.398.634	1.250.000.000	(147.601.366)	1.102.398.634
Cộng	39.349.520.000	(7.782.510.303)	31.567.009.697	39.349.520.000	(7.782.510.303)	31.567.009.697

(1) Là Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102277988, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 7 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong năm 2019 Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực đã tăng vốn lên 9.000.000.000 dẫn đến tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Cơ khí điện lực giảm từ 25% xuống còn 14% và được phân loại sang Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

(2) Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chế tạo thiết bị điện và Thương mại Việt Nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0801147808, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 3 năm 2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã góp đủ số vốn góp 30.899.520.000 VND chiếm 36% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Chế tạo Thiết bị điện và Thương mại Việt Nhật.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(3) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300343731, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04 tháng 1 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã góp đủ số vốn góp 7.200.000.000 VND chiếm 36% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	11.578.650.104	11.578.650.104
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện	11.578.650.104	11.578.650.104
Phải thu các khách hàng khác	51.232.973.677	79.336.731.384
Ban Quản lý dự án 3	2.201.824.180	2.201.824.180
Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại 299	1.652.811.900	1.652.811.900
Công ty TNHH MTV Kim Chất Sơn La	21.534.730.404	41.608.726.118
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị Minh Quang	1.157.425.244	1.157.425.244
Công ty Cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam	13.214.818	1.533.311.832
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng điện Long Hội	3.784.146.382	384.742.334
Công ty TNHH Hòa Hiệp	158.697.000	2.674.447.254
Công ty Cổ phần thương mại Sao Mai	-	9.145.904.290
Công ty Cơ Khí Việt Á - (TNHH)	2.285.142.733	2.450.342.233
Các khách hàng khác	18.444.981.016	16.527.195.999
Cộng	62.811.623.781	90.915.381.488

b) Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các khách hàng khác	2.492.235.050	2.492.235.050
Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại 299	1.340.518.050	1.340.518.050
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bến Tre	1.151.717.000	1.151.717.000
Cộng	2.492.235.050	2.492.235.050

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	19.862.654.340	19.760.010.690
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện	19.862.654.340	19.760.010.690
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	7.855.744.175	6.169.545.718
Công ty Cổ phần Tư vấn & Đầu tư Xây dựng Thương mại Việt Trung	593.914.217	593.914.217
Công ty Cổ phần máy và thiết bị thủy lực	-	1.122.000.000
Công ty TNHH chế tạo TBD và TM Việt Nhật	636.383.000	636.383.000
Công ty Cổ phần cơ khí thiết bị điện Hà Nội	540.000.000	540.000.000
Công ty Điện Lực Gia Lâm	1.170.793.811	632.566.000
Các nhà cung cấp khác	4.914.653.147	2.644.682.501
Cộng	<u>27.718.398.515</u>	<u>25.929.556.408</u>

5. Phải thu khác**a, Phải thu khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	1.440.283.445	-	1.440.283.445	-
Công ty TNHH chế tạo thiết bị điện và thương mại Việt Nhật	4.078.668	-	4.078.668	-
Công ty Cổ phần cơ khí và xây dựng Nguồn điện - phải thu tiền lương thanh toán hộ	1.436.204.777	-	1.436.204.777	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	740.296.759	-	693.296.137	-
Tạm ứng	500.187.503	-	489.187.503	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	240.109.256	-	204.108.634	-
Cộng	<u>2.180.580.204</u>	-	<u>2.133.579.582</u>	-

b, Phải thu khác dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	114.089.800	114.089.800
Ký cược, ký quỹ thuê tài chính	114.089.800	114.089.800
Cộng	<u>114.089.800</u>	<u>114.089.800</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.301.585.905	-	19.576.503.049	-
Công cụ, dụng cụ	2.788.421.386	-	2.788.421.386	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	37.435.122.702	-	37.435.122.702	-
Thành phẩm	20.152.926.171	-	30.812.577.990	-
Hàng hóa	385.181.331	-	385.181.331	-
Cộng	81.063.237.495	-	90.997.806.458	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	10.513.694.833	18.507.544.097	5.597.733.175	466.904.957	35.085.877.062
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.098.420.295)	-	(2.098.420.295)
Số cuối năm	10.513.694.833	18.507.544.097	3.499.312.880	466.904.957	32.987.456.767
<i>Trong đó</i>					
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	9.692.472.579	17.239.854.517	3.451.312.880	466.904.957	30.850.544.933
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.081.850.188	17.510.551.799	5.584.133.175	466.904.957	33.643.440.119
Khấu hao trong năm	71.964.526	431.851.403	9.600.000	-	513.415.929
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.098.420.295)	-	(2.098.420.295)
Số cuối năm	10.153.814.714	17.942.403.202	3.495.312.880	466.904.957	32.058.435.753
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	431.844.645	996.992.298	13.600.000	-	1.442.436.943
Số cuối năm	359.880.119	565.140.895	4.000.000	-	929.021.014

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

Là chương trình phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

9. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	2.074.360.000	2.074.360.000
Thuê tài chính trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>2.074.360.000</u>	<u>2.074.360.000</u>
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	49.389.524	49.389.524
Khấu hao trong năm	296.337.143	296.337.143
Số cuối năm	<u>345.726.667</u>	<u>345.726.667</u>
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	2.024.970.476	2.024.970.476
Số cuối năm	<u>1.728.633.333</u>	<u>1.728.633.333</u>

10. Phải trả người bán**a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Phải trả các nhà cung cấp khác	38.901.263.539	38.901.263.539	58.900.558.675	58.900.558.675
Công ty Cổ phần Thương mại Sao Mai	-	-	17.092.071.260	17.092.071.260
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cơ khí Đồng Tâm	3.292.473.804	3.292.473.804	3.422.169.484	3.422.169.484
Công ty TNHH MTV Kim Chất Sơn La	-	-	3.481.042.358	3.481.042.358
Công ty TNHH Sản xuất Đầu tư và Thương mại Thành Lợi Việt Nam	5.126.427.085	5.126.427.085	5.126.427.085	5.126.427.085
Công ty Cổ phần máy và thiết bị Thủy Lực (MHY)	3.340.727.273	3.340.727.273	-	-
Các nhà cung cấp khác	27.141.635.377	27.141.635.377	29.778.848.488	29.778.848.488
Cộng	<u>38.901.263.539</u>	<u>38.901.263.539</u>	<u>58.900.558.675</u>	<u>58.900.558.675</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Phải trả người bán dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả các bên liên quan	4.463.515.739	4.463.515.739	4.463.515.739	4.463.515.739
Công ty cổ phần thương mại và Xây lắp Điện lực	4.463.515.739	4.463.515.739	4.463.515.739	4.463.515.739
Phải trả các nhà cung cấp khác	3.159.925.000	3.159.925.000	7.319.575.019	7.319.575.019
Công ty Cổ phần công nghệ công nghiệp INTEC	3.159.925.000	3.159.925.000	7.319.575.019	7.319.575.019
Cộng	7.623.440.739	7.623.440.739	11.783.090.758	11.783.090.758

11. Người mua trả tiền trước**a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	7.443.852	7.443.852
Công ty TNHH chế tạo thiết bị điện và thương mại Việt Nhật	7.443.852	7.443.852
Trả trước của các khách hàng khác	6.305.828.845	14.514.976.910
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1	-	8.416.667.000
Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng điện 1	800.000.000	800.000.000
Công ty Cổ phần cơ khí - thương mại xây lắp điện 4	-	939.368.160
Công ty Cổ phần thủy điện Sông Bạc	1.439.722.126	1.439.722.126
Các khách hàng khác	4.066.106.719	2.919.219.624
Cộng	6.313.272.697	14.522.420.762

b) Người mua trả tiền trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác	2.201.686.000	2.201.686.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Thiết bị điện Hà Nội	2.201.686.000	2.201.686.000
Cộng	2.201.686.000	2.201.686.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.562.987.656	-	731.708.576	(3.562.908.710)	5.731.787.522	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.618.004	-	-	-	1.618.004
Thuế thu nhập cá nhân	39.174.178	-	-	-	39.174.178	-
Thuế tài nguyên	1.346.280	-	-	-	1.346.280	-
Tiền thuế đất	120.248.063	-	467.495.181	(467.495.181)	120.248.063	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	66.234.321	-	39.923.963	(39.923.963)	66.234.321	-
Cộng	8.789.990.498	1.618.004	1.242.127.720	(4.073.327.854)	5.958.790.364	1.618.004

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 3%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	4.919.110.412	3.127.305.929
Cộng	4.919.110.412	3.127.305.929

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	480.000.000	480.000.000
Ông Lê Minh Hải	480.000.000	480.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	1.609.687.941	3.747.061.308
Kinh phí công đoàn	875.555.421	875.555.421
Bảo hiểm xã hội	465.662.586	1.751.847.977
Bảo hiểm y tế	80.056.921	625.455.261
Bảo hiểm thất nghiệp	7.478.917	313.268.553
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	180.934.096	180.934.096
Cộng	2.089.687.941	4.227.061.308

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	31.596.907.713	31.596.907.713	54.575.089.027	54.575.089.027
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương(1)</i>	<i>16.471.557.283</i>	<i>16.471.557.283</i>	<i>33.018.100.924</i>	<i>33.018.100.924</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (2)</i>	<i>15.125.350.430</i>	<i>15.125.350.430</i>	<i>21.556.988.103</i>	<i>21.556.988.103</i>
Vay ngắn hạn các cá nhân	44.565.870.000	44.565.870.000	23.771.870.000	23.771.870.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	865.544.716	865.544.716	608.478.936	608.478.936
Cộng	77.028.322.429	77.028.322.429	78.955.437.963	78.955.437.963

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT128-PEC ký ngày 02 tháng 8 năm 2019. Tổng hạn mức tín dụng cho vay là : 54.740.000.000 VND. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 01/2018-HĐCVHM/NHCT128-PEC ký ngày 16 tháng 4 năm 2018. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 02 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 7 năm 2020. Mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công xây dựng lắp đặt công trình, gia công cơ khí, sản xuất cột thép và kết cấu thép, mạ kim loại và kinh doanh vật tư trang thiết bị. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay trên được đảm bảo bởi các hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp Quyền đòi nợ số: 01-2012/CKDL/HĐTCTS ngày 20/11/2012 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01/2013-HĐTC/NHCT128-CKĐL ký ngày 12 tháng 8 năm 2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 04/2013-HĐTC/NHCT128-CKĐL ngày 16 tháng 10 năm 2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 05-2013/HĐTC/128-PEC/HUOI QUANG ngày 13 tháng 11 năm 2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01-2016/HĐTC/128-PEC/THANHSON ngày 18 tháng 01 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 02-2016/HĐTC/128-PEC/SONGLO 4 ngày 01 tháng 02 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 03-2016/HĐTC/128-PEC/HUOIVANG ngày 06 tháng 07 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01/2013-HĐTC/128-PEC ngày 11 tháng 10 năm 2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01-2009-HĐTC/CD/PEC ngày 15 tháng 12 năm 2009 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01/2015/HĐTC/NHCT128-PEC ngày 17 tháng 4 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01/2018/HĐTC/NHCT128-PEC ngày 05 tháng 10 năm 2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 03/2018/HĐTC/NHCT128-PEC ngày 07 tháng 11 năm 2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01-2018/HĐTCQTS/NHCT128-PEC ngày 05 tháng 01 năm 2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01/2019/HĐTC/NHCT128-PEC ngày 02 tháng 4 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 02/2019/HĐBĐ/NHCT128-PEC ngày 29 tháng 03 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01-2015/2019/HĐTC/NHCT128-PEC/SONGLO4 ngày 3 tháng 11 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh tại Hà Nội theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2020/CVHM/VCBHN-CKĐL.10750616 ký ngày 08 tháng 01 năm 2020 hạn mức cho vay là 31.250.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 25/01/2021. Mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp pháp, hợp lệ, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay trên được đảm bảo bằng các hợp đồng bảo đảm sau:

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cầm cố số 01/2019/CCTK/VCBHN-CKĐL ký ngày 28/05/2019 và các phụ lục kèm theo.

+ Thế chấp xe ô tô Lexus biển kiểm soát 30T-5703 theo hợp đồng thế chấp số 01/19/TC/PTGT/VCBHN-CKĐL ký ngày 06/09/2019

+ Thế chấp xe ô tô Audi Q5, biển kiểm soát 29A-525.89 của ông Lê Minh Hải theo hợp đồng thế chấp số 01/2017/TCTS/VCBHN-PEC ký ngày 14/7/2017.

+ Thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở của ông Lê Minh Hải và bà Nguyễn Thị Thúy Nga theo hợp đồng thế chấp số 01/19/TC/BDS/VCBHN-CKĐL ngày 6/9/2019

+ Cầm cố 775.814 cổ phần Công ty Cổ phần Cơ khí điện lực của ông Lê Minh Hải theo hợp đồng cầm cố cổ phiếu số 02/2017/TC/VCBHN-PEC ký ngày 13/10/2017

+ Thế chấp toàn bộ hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh và quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh doanh thương mại/ quyền đòi nợ từ đối tác/ hợp đồng phát sinh từ phương án ngân hàng tài trợ theo hợp đồng thế chấp hàng tồn kho số 01/2020/HDDTC/HTK-KPT/CKĐL.10750616 ký ngày 15/1/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 36 có địa chỉ tại thôn Tân Trường, xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang của ông Lê Minh Hải và bà Nguyễn Thị Thúy Nga theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CT100443 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 12/9/2019 theo hợp đồng thế chấp số 01/2020/BDS/VCBHN-CKĐL.10750616 ký ngày 10/1/2020

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số tiền vay		Kết chuyển từ vay nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	phát sinh trong năm			
Vay ngắn hạn ngân hàng	54.575.089.027	-	-	(22.978.181.314)	31.596.907.713
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	23.771.870.000	28.649.000.000	-	(7.855.000.000)	44.565.870.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	608.478.936	-	608.478.936	(351.413.156)	865.544.716
Cộng	78.955.437.963	28.649.000.000	608.478.936	(31.184.594.470)	77.028.322.429

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn các cá nhân	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Nợ thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH Sumi Trust - CN Hà Nội (*)	557.772.350	557.772.350	-	-
Cộng	1.057.772.350	1.057.772.350	1.666.251.286	1.666.251.286

(*) Là khoản thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH Sumi Trust - CN Hà Nội theo hợp đồng số 21720000178/HĐCTTC ngày 18/08/2020, tài sản thuê tài chính là máy cắt đột thép góc CNC, thời hạn thuê là 36 tháng, lãi suất thuê cố định 8,5%/năm trong thời gian 03 tháng kể từ ngày nhận nợ, sau thời gian đó lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số tiền vay		Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay nợ ngắn hạn	Số cuối năm
	Số đầu năm	phát sinh trong năm			
Vay dài hạn các tổ chức khác	500.000.000	-	-	-	500.000.000
Nợ thuê tài chính	1.166.251.286	-	-	(608.478.936)	557.772.350
Cộng	1.666.251.286	-	-	(608.478.936)	1.057.772.350

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	31.154.090.000	8.036.263.497	17.976.229.844	7.515.191.128	64.681.774.469
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(5.995.513.560)	(5.995.513.560)
Số dư cuối năm trước	31.154.090.000	8.036.263.497	17.976.229.844	1.519.677.568	58.686.260.909
Số dư đầu năm nay	31.154.090.000	8.036.263.497	17.976.229.844	1.519.677.568	58.686.260.909
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(246.850.647)	(246.850.647)
Số dư cuối năm	31.154.090.000	8.036.263.497	17.976.229.844	1.272.826.921	58.439.410.262

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.115.409	3.115.409
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.115.409	3.115.409
- Cổ phiếu phổ thông	3.115.409	3.115.409
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.115.409	3.115.409
- Cổ phiếu phổ thông	3.115.409	3.115.409

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**a, Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	265,23	265,23
Euro (EUR)	202,42	202,42

b, Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Các đối tượng khác	5.140.000.000	5.140.000.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cộng	5.140.000.000	5.140.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	-	17.073.261.343
Doanh thu bán thành phẩm	21.650.639.849	72.309.534.374
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.669.560.358	25.067.302.007
Cộng	<u>27.320.200.207</u>	<u>114.450.097.724</u>

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực	-	6.055.920
Cộng	<u>-</u>	<u>6.055.920</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	17.032.883.137
Giá vốn của thành phẩm đã bán	19.310.627.551	52.742.707.048
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.427.402.898	35.916.662.508
Cộng	<u>24.738.030.449</u>	<u>105.692.252.693</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	1.969.641	196.357.964
Cộng	<u>1.969.641</u>	<u>196.357.964</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.927.201.822	7.599.133.285
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	492.288.355
Cộng	<u>2.927.201.822</u>	<u>8.091.421.640</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	105.737.100
Các chi phí khác	-	18.227.272
Cộng	<u>-</u>	<u>123.964.372</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.425.604.485	3.153.643.775
Chi phí vật liệu quản lý	12.809.091	8.322.673
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.406.150	390.933.148
Thuế, phí và lệ phí	3.860.169	35.486.363
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	800.819.441	2.041.846.173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	195.933.154	387.493.933
Các chi phí khác	232.153.200	709.115.014
Cộng	<u>3.674.585.690</u>	<u>6.726.841.079</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	153.000.000	209.090.909
Thu nhập từ bán phế liệu	-	87.937.500
Thu nhập từ giảm nợ từ nhà cung cấp	3.659.750.019	-
Thu nhập khác	-	25.000.000
Cộng	<u>3.812.750.019</u>	<u>322.028.409</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	41.952.553	329.517.872
Chi phí khác	-	1
Cộng	<u>41.952.553</u>	<u>329.517.873</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(246.850.647)	(5.995.513.560)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	41.952.553	329.517.872
<i>Phạt thuế, truy thu thuế</i>	41.952.553	329.517.872
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	-	-
Thu nhập tính thuế	(204.898.094)	(5.665.995.688)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	20%	20%
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(246.850.647)	(5.995.513.560)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(246.850.647)	(5.995.513.560)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.115.409	3.115.409
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(79)	(1.924)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.115.409	3.115.409
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm từ lợi nhuận	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.115.409	3.115.409

11. Chi sản xuất theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.151.018.143	33.631.887.162
Chi phí nhân công	2.425.604.485	7.219.599.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	809.753.072	506.041.140
Thuế, phí và lệ phí	3.860.169	35.486.363
Chi phí trích lập dự phòng	800.819.441	2.041.846.173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.329.755.810	12.545.726.696
Chi phí khác	232.153.200	3.816.932.264
Cộng	17.752.964.320	59.797.518.914

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Trong năm đơn vị không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	-	901.110.036
Cộng	-	901.110.036

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực

Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật

Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện

Mối quan hệ

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh, liên kết; Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật

Công ty liên doanh, liên kết

Trong năm đơn vị không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3a; V.4; V.5; V.10b và V.11a.

2. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bán thành phẩm
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực bán thành phẩm	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	21.650.639.849	5.669.560.358	27.320.200.207
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.650.639.849	5.669.560.358	27.320.200.207
Chi phí bộ phận	(19.310.627.551)	(5.427.402.898)	(24.738.030.449)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.340.012.298	242.157.460	2.582.169.758
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(3.674.585.690)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(1.092.415.932)
Doanh thu hoạt động tài chính			1.969.641
Chi phí tài chính			(2.927.201.822)
Thu nhập khác			3.812.750.019
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(41.952.553)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(246.850.647)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	822.562.163

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	77.028.322.429	1.057.772.350	-	78.086.094.779
Phải trả người bán	38.901.263.539	7.623.440.739	-	46.524.704.278
Các khoản phải trả khác	7.008.798.353	-	-	7.008.798.353
Cộng	122.938.384.321	8.681.213.089	-	131.619.597.410
Số đầu năm				
Vay và nợ	78.955.437.963	1.666.251.286	-	80.621.689.249
Phải trả người bán	58.900.558.675	11.783.090.758	-	70.683.649.433
Các khoản phải trả khác	8.871.936.971	-	-	8.871.936.971
Cộng	146.727.933.609	13.449.342.044	-	160.177.275.653

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	801.673.103	194.707.075	801.673.103	194.707.075
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	1.999.652.055	-	1.999.652.055
Phải thu khách hàng	61.334.680.248	90.239.257.396	61.334.680.248	90.239.257.396
Các khoản phải thu khác	2.294.670.004	2.247.669.382	2.294.670.004	2.247.669.382
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	31.567.009.697	31.567.009.697	31.567.009.697	31.567.009.697
Cộng	95.998.033.052	126.248.295.605	95.998.033.052	126.248.295.605
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	78.086.094.779	80.621.689.249	78.086.094.779	80.621.689.249
Phải trả người bán	46.524.704.278	70.683.649.433	46.524.704.278	70.683.649.433
Các khoản phải trả khác	7.008.798.353	8.871.936.971	7.008.798.353	8.871.936.971
Cộng	131.619.597.410	160.177.275.653	131.619.597.410	160.177.275.653

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Khả năng hoạt động liên tục

Công ty bị Cục Thuế Thành phố Hà Nội thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo quyết định số 55880/QLN ngày 23/6/2020 do nợ tiền thuế và chậm nộp tiền thuế; tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Vấn đề trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về hoạt động liên tục của công ty. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang tích cực đưa ra các giải pháp nhằm tái cấu trúc lại bộ máy hoạt động và Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có bất kỳ dự định nào chỉ việc dừng hoạt động của Công ty trong nhiều năm. Do đó, Báo cáo tài chính năm 2021 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 26 tháng 4 năm 2022

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Vũ Thị Lê Hoa

Vũ Thị Lê Hoa

Lê Minh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần phụ gia bê tông Pha Lại	Quá hạn trên 3 năm	150.000.000	150.000.000	Quá hạn trên 3 năm	150.000.000	150.000.000
Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Hoàng Tú	Quá hạn trên 3 năm	544.468.000	544.468.000	Quá hạn trên 3 năm	544.468.000	544.468.000
Công ty cổ phần phát triển công nghiệp DIC	Quá hạn trên 3 năm	20.009.778	20.009.778	Quá hạn trên 3 năm	20.009.778	20.009.778
Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh thép Tân Hưng	Quá hạn trên 3 năm	156.554.908	156.554.908	Quá hạn trên 3 năm	156.554.908	156.554.908
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và sản xuất Hà An	Quá hạn trên 3 năm	81.000.000	81.000.000	Quá hạn trên 3 năm	81.000.000	81.000.000
TP Consulting & Technology	Quá hạn từ 2-3 năm	348.960.568	244.272.398	Quá hạn từ 1-2 năm	348.960.568	244.272.398
Công ty Cổ phần kết cấu kim loại và lắp máy Dầu Khí	Quá hạn từ 2-3 năm	634.439.128	444.107.390	Quá hạn từ 1-2 năm	634.439.128	317.219.564
Công ty cổ phần THT Hoàng Long	Quá hạn từ 2-3 năm	1.312.396.536	918.677.575	Quá hạn từ 1-2 năm	1.312.396.536	656.198.268
Công ty Cổ phần kinh doanh XNK vật tư thiết bị Minh Quang	Quá hạn từ 2-3 năm	1.157.425.244	810.197.671	Quá hạn từ 1-2 năm	1.157.425.244	578.712.622
Công ty TNHH cơ khí chính xác Thăng Long	Quá hạn trên 3 năm	599.890.863	599.890.863	Quá hạn từ 2-3 năm	599.890.863	419.923.604
Cộng		5.005.145.025	3.969.178.583		5.005.145.025	3.168.359.142

